

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 145/2024/DS - ST
Ngày: 26-7-2024
V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hải Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Tăng Thị Bạch Vân
- Ông Nguyễn Văn Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Luyến – Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lâm Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp: “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 267/2024/QĐXX-ST ngày 24 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần N1.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc T – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu Q – Chức vụ: Giám đốc Phòng G.

Địa chỉ phòng giao dịch: số B, đường N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Bà Hà Thị Đ, sinh năm 1971; Ông: Nguyễn Văn P, sinh năm 1973.

Cùng địa chỉ: số A, khu V, ấp A, thị trấn A huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Hữu L, sinh năm 1995.

Anh Nguyễn Hữu L1, sinh năm 1999.

Anh Nguyễn Hữu N, sinh năm 2004.

Chị Phan Như K, sinh năm 2002.

Cùng địa chỉ: số A, khu V, ấp A, thị trấn A huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

(Đại diện nguyên đơn có mặt; Các đương sự còn lại đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/01/2024, các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần N1 trình bày:

Ngân hàng thương mại cổ phần N1 – Chi nhánh C – P1 (sau đây gọi là “N2”) và bà Hà Thị Đ, ông Nguyễn Văn P đã giao kết Hợp đồng tín dụng số 0294/2020/610-CV ký ngày 29/12/2020 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng (nếu có) (sau đây gọi tắt là “Hợp đồng tín dụng”) để cấp tín dụng cho bà Hà Thị Đ, ông Nguyễn Văn P với số tiền là 400.000.000 đồng.

Khoản cấp tín dụng trên được bảo đảm bằng tài sản là bất động sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Văn P theo Hợp đồng thế chấp 0048/2020/610-BĐ ký ngày 05/01/2021, thông tin tài sản chi tiết như sau: quyền sử dụng phần đất có diện tích 42,6m² tại thửa đất số 116, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại ấp A, thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, số phát hành giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BB 097095, sổ vào sổ cấp GCN: CH00123 do UBND Huyện K cấp ngày 25 tháng 08 năm 2010. Nội dung chỉnh lý được cập nhật ngày 11 tháng 08 năm 2010, ngày 21 tháng 04 năm 2014 và ngày 05 tháng 06 năm 2019. Đến nay, Ngân hàng thương mại cổ phần N1 đã giải ngân cho bà Hà Thị Đ, ông Nguyễn Văn P theo Giấy nhận nợ số 01/GNN- 0294/2020/610-CV.

Tại phiên Tòa, Ngân hàng thương mại cổ phần N1 yêu cầu như sau:

Buộc bà Hà Thị Đ và ông Nguyễn Văn P phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần N1 một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực các khoản sau được tính đến ngày 26/7/2024: Tiền vốn vay: 278.945.560 đồng; Tiền nợ lãi trong hạn và chậm trả: 7.763.590 đồng; Nợ lãi quá hạn: 26.327.884 đồng. Tổng cộng: 381.487.109 đồng.

Số tiền lãi phát sinh của khoản tín dụng theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cho đến ngày bà Hà Thị Đ và ông Nguyễn Văn P thanh toán đầy đủ nghĩa vụ nợ.

Trong trường hợp bà Hà Thị Đ và ông Nguyễn Văn P không thanh toán khoản nợ hoặc thanh toán không hết nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần N1

được quyền yêu cầu Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm là bất động sản và các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của ông Nguyễn Văn P và bà Hà Thị Đ để thu hồi nợ vay cho Ngân hàng thương mại cổ phần N1.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn P và bà Hà Thị Đ vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: anh Nguyễn Hữu L, anh Nguyễn Hữu L1, anh Nguyễn Hữu N và chị Phan Như K đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng phát biểu:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định Bộ luật tố tụng Dân sự. Tư cách của người tham gia tố tụng tuân thủ theo đúng quy định của Điều 68, 70, 71, 72, 234 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Xét thấy, khi ký kết các hợp đồng tín dụng thì các bên thực hiện trên cơ sở tự nguyện, mục đích và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, hợp đồng tuân thủ quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, nên hợp đồng có hiệu lực và phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa các bên kể từ thời điểm ký kết. Phía các bị đơn thừa nhận, thống nhất với nội dung khởi kiện của Ngân hàng là đúng. Đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật TTDS.

Quá trình thực hiện, phía các bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo điều khoản thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng ngắn hạn đã ký kết với Ngân hàng. Các bị đơn là người có lỗi, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu các bị đơn trả cho Ngân hàng tổng số nợ còn thiếu được tính đến ngày 26/7/2024 gồm: Tiền vốn vay: 278.945.560 đồng; Tiền nợ lãi trong hạn và chậm trả: 7.763.590 đồng; Nợ lãi quá hạn: 26.327.884 đồng. Tổng cộng: 381.487.109 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Theo tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập cho thấy khi ký các Hợp đồng tín dụng để vay tiền, các bị đơn đã dùng tài sản nêu trên do bị đơn đứng tên để đảm bảo thực hiện các khoản vay. Hợp đồng thế chấp được công chứng và được đăng ký thế chấp đúng theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 167, khoản 1 Điều 168 và điểm g khoản 1 Điều 179 Luật đất đai năm 2013, các Điều 317, 318 Bộ luật dân sự năm 2015 và đúng quy định tại Điều 4, Điều 39 Nghị định 102/2017/NĐ-CP ngày 01/09/2017 về đăng ký biện pháp bảo đảm, cho nên trong trường hợp các bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất do các bị đơn đứng tên để thu hồi nợ theo quy định tại Điều 299 và Điều 303 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; trường hợp các bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất nêu trên để thu hồi nợ.

Về án phí và chi phí tố tụng: đề nghị Hội đồng xét xử quyết định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên Tòa, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do và cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đồng thời cũng không có yêu cầu phản tố. Xét thấy, Tòa án nhân dân huyện Kế Sách đã tiến hành các thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng cho các đương sự đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Cho nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ và đúng với quy định tại khoản 2, Điều 227 và khoản 3, Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về chứng cứ trong vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cung cấp chứng cứ là hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số 0294/2020/610-CV, ngày 29/12/2020 và hợp đồng thế chấp tài sản (quyền sử dụng đất) số 0048/2020/610-BĐ, ngày 05/01/2021, thể hiện việc nguyên đơn có cho các bị đơn vay số tiền 400.000.000 đồng, tính đến ngày 26/7/2024, các bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền vốn vay là 278.945.560 đồng. Xét thấy, các chứng cứ này đã được công chứng, chứng thực hợp pháp, đăng ký thế chấp đúng theo quy định của pháp luật và các bị đơn cũng thừa nhận cho nên đây là những chứng cứ thuộc trường hợp “những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh” theo quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Như vậy giữa nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện giao dịch về tài sản thông qua hợp đồng cấp tín dụng dưới hình thức vay tiền có kỳ hạn và có lãi theo quy định của pháp luật là có thật.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn: Xét thấy, các bị đơn đã có vay tiền của nguyên đơn, đồng thời các bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán mà các bên đã thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số 0294/2020/610-CV, ngày 29/12/2020, gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Cho nên, yêu cầu của nguyên đơn đòi các bị đơn phải thanh toán số tiền còn nợ tính đến ngày 26/7/2024 gồm: Tiền vốn vay: 278.945.560 đồng; Tiền nợ lãi trong hạn và chậm trả: 7.763.590 đồng; Tiền nợ lãi quá hạn: 26.327.884 đồng. Tổng cộng: 381.487.109 đồng là chính đáng, có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 280 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Vấn đề xử lý tài sản thế chấp: Khi thực hiện giao dịch vay tiền theo hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số 0294/2020/610-CV, ngày 29/12/2020, nguyên đơn, các bị đơn đã xác lập hợp đồng thế chấp tài sản (quyền sử dụng đất) số 0048/2020/610-BĐ, ngày 05/01/2021 để thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa đất sau: Thửa số 116, diện tích 42,6m², tờ bản đồ số 1, được Ủy ban nhân dân huyện K cấp quyền sử dụng đất cho cho ông Nguyễn Văn P vào ngày 25/8/2010, thửa đất tọa lạc tại ấp A, thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Xét thấy, như đã nhận định trên, việc giao kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất nói trên là quyền tự định đoạt của các đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật, việc thế chấp tài sản là để đảm bảo nghĩa vụ trả tiền vốn vay của các bị đơn. Cho nên, yêu cầu của nguyên đơn được yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của các bị đơn là chính đáng, có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 322 và Điều 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về chi phí tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Kế Sách tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với phần tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản khác gắn liền với đất của thửa đất sau: Thửa số 116, diện tích 42,6,0m², tờ bản đồ số 1, được Ủy ban nhân dân huyện K cấp quyền sử dụng đất cho cho ông Nguyễn Văn P vào ngày 25/8/2010, thửa đất tọa lạc tại ấp A, thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Xét thấy, việc xem xét thẩm định tại chỗ là căn cứ để giải quyết vụ án, phù hợp với quy định tại Điều 101 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Do nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền là 11.000.000 đồng, nhiều hơn chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ thực tế là 9.650.000 đồng và đã nhận lại số tiền còn thừa là 1.350.000 đồng. Như vậy, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền 9.650.000 đồng mà nguyên đơn đã nộp trước là cần thiết và hợp lý.

Xét thấy, lỗi dẫn đến việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết là hoàn toàn thuộc về phía các bị đơn. Bởi lẽ, bị đơn đã không thực hiện đúng những thỏa thuận về thanh toán tiền lãi và trả tiền vốn vay theo nội dung hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết, gây ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Cho nên, bị đơn phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho nguyên đơn toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền là 9.650.000 đồng là phù hợp với Điều 157 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị đơn không phải chịu án phí, lệ phí Tòa án đối với việc hoàn trả chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ cho nguyên đơn.

[7] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm c, khoản 1, khoản 2, Điều 92, Điều 101, Điều 147, Điều 156, Điều 157, Điều 158, khoản 2, Điều 227, khoản 1, khoản 3, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 280, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 321, Điều 322, Điều 323, Điều 463, Điều 466 và Điều 615 của Bộ luật Dân sự năm 2015 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 167 và Điều 179 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 27 và Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 16 Điều 4, Điều 12, Điều 90, Điều 91, Điều 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi bổ sung năm 2017 và Văn bản hợp nhất số 07/VBHN-VPQH ngày 12/12/2017 của Văn phòng Q1.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ Điều 7, Điều 8 và Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ khoản 2, Điều 26, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần N1. Buộc ông Nguyễn Văn P và bà Hà Thị Đ cùng chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần N1 số tiền vốn vay: 278.945.560 đồng; tiền nợ lãi trong hạn và chậm trả: 7.763.590 đồng và tiền nợ lãi quá hạn: 26.327.884 đồng tính đến ngày 26/7/2024. Cộng chung là: 381.487.109 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Nguyễn Văn P và bà Hà Thị Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng cho vay, các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại cổ phần N1 thì lãi suất mà ông Nguyễn Văn P và bà Hà Thị Đ phải tiếp tục

thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần N1 theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần N1.

Mức lãi suất hai bên thỏa thuận là mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp, các bên không có thỏa thuận về mức lãi suất nợ quá hạn thì mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn.

Ngay sau khi ông Nguyễn Văn P và bà Hà Thị Đ thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần N1 mà không phải qua xử lý tài sản thế chấp thì Ngân hàng thương mại cổ phần N1 có trách nhiệm giải chấp tài sản đã thế chấp và trả lại hồ sơ thế chấp tài sản cho ông Nguyễn Văn P và bà Hà Thị Đ theo hợp đồng thế chấp tài sản (quyền sử dụng đất) số 0048/2020/610-BĐ, ngày 05/01/2021 do Văn phòng C1.

2. Về quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo thi hành án:

Trường hợp ông Nguyễn Văn P và bà Hà Thị Đ không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần N1 được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự kê biên, xử lý tài sản thế chấp theo Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 đối với tài sản thế chấp theo theo hợp đồng thế chấp tài sản (quyền sử dụng đất) số 0048/2020/610-BĐ, ngày 05/01/2021 do Văn phòng C1, được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần N1 với ông Nguyễn Văn P và bà Hà Thị Đ để đảm bảo thi hành án. Tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp gồm: Thửa số 116, diện tích 42,6m², tờ bản đồ số 1, được Ủy ban nhân dân huyện K cấp quyền sử dụng đất cho cho ông Nguyễn Văn P vào ngày 25/8/2010, thửa đất tọa lạc tại ấp A, thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về chi phí tố tụng:

Ngân hàng thương mại cổ phần N1 được nhận lại số tiền chi phí tố tụng đã thanh toán trước là 9.650.000 đồng. Buộc ông Nguyễn Văn P và bà Hà Thị Đ chịu trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần N1 9.650.000 đồng tiền chi phí tố tụng.

4. Về án phí:

Ngân hàng thương mại cổ phần N1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng thương mại cổ phần N1 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.863.000 đồng theo biên lai thu số 0003611 ngày 04/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách.

Ông Nguyễn Văn P và bà Hà Thị Đ phải cùng chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 19.074.355 đồng.

Ông Nguyễn Văn P và bà Hà Thị Đ không phải chịu án phí, lệ phí Tòa án đối với việc hoàn trả chi phí tố tụng cho Ngân hàng thương mại cổ phần N1.

5. Án xử công khai, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần N1 có mặt tại phiên Tòa và có mặt khi tuyên án.

Ông Nguyễn Văn P và bà Hà Thị Đ, anh Nguyễn Hữu L, anh Nguyễn Hữu L1, anh Nguyễn Hữu N và chị Phan Như K không có mặt tại phiên Tòa và cũng không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Đối với trường hợp đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện đã tham gia phiên Tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Phạm Hải Duy

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hải Duy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hải Duy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

